

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2023/DS-ST

Ngày: 24/5/2023

Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Nguyên, bà Nguyễn Thị Lan.

- **Thư ký tòa án ghi biên bản:** Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST – DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX- DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ (P); Địa chỉ: Địa chỉ: Số 22, N, phường T, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T – Chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Chính H – Chức vụ: Giám đốc KHCN miền bắc; Ông Nguyễn Trung H – Chức vụ: Chuyên viên; Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ.

Địa chỉ: Số 22, N, phường T, quận H, TP Hà Nội.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Minh T, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1986; Cùng trú tại: Tổ 23, phường C (Nay là tổ 12, phường D), thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông H có mặt; Các bị đơn ông T, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng (P) - ông Nguyễn Trung Hiếu trình bày:

Ngày 30/11/2017, Ngân hàng P và bên vay là ông Bùi Minh T và vợ là bà Nguyễn Thị Huyền T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 337/2017/HĐTD/PVBHO-18LH, thỏa thuận số tiền vay là 613.000.000 đồng (Sáu trăm mười ba triệu đồng), thời hạn vay là 72 tháng với mục đích vay mua ô tô mới, lãi suất thỏa thuận từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 01/12/2018 là 8,8%/năm; Từ ngày 02/12/2018 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi của Ngân hàng Đại Chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VNĐ, kỳ hạn 13 tháng theo Biểu lãi suất huy động của Ngân hàng Công bố từng thời kỳ + Biên độ tối thiểu 4,3%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dư nợ gốc đến hạn nhưng không được bên vay trả nợ đúng hạn. Ngày 01/12/2017 ông T, bà T đã xác lập cùng Ngân hàng hợp đồng thế chấp xe ô tô số 337/2017/HĐBĐ/PVBHO-18LH để bảo đảm cho khoản vay nêu trên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, phía ông T và bà T đã thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán khoản vay bằng hình thức ông T, bà T tự nguyện bàn giao tài sản để đấu giá, bán phát mại. Đến nay ông T, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 539.489.924đ (Năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 525.440.287 đồng và lãi là 14.049.637 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông T và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán số nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 24/5/2023, ông T và bà T còn nợ phía Ngân hàng P tổng: 194.735.622 đồng, cụ thể: Nợ gốc là 87.559.713 đồng, nợ lãi trong hạn là 63.291.419 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.884.490 đồng.

Nay phía nguyên đơn đề nghị ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Đồng thời kể từ ngày sau khi Tòa xét xử vụ án, Ngân hàng đề nghị ông T, bà T phải tiếp tục chịu lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc.

Về án phí, do bị đơn là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng, nên ngân hàng đề nghị bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày mùng 10/3/2023 của ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Ông T và bà T thừa nhận ngày 30/11/2017 có ký Hợp đồng tín dụng số 337/2017/HĐTD/PVBHO-18LH và ngày 01/12/2017 có ký Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay trên với Ngân hàng P. Sau khi không

có khả năng thanh toán nợ, ông T, bà T đã tự nguyện bàn giao tài sản để Ngân hàng bán đấu giá và hiện đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 539.489.924đ (Năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng). Ngân hàng khởi kiện về số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, ông T và bà T thừa nhận là đúng và đồng ý thanh toán, tuy nhiên thời điểm hiện nay ông T, bà T không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự. Về phía người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo yêu cầu khởi kiện của phía Nguyên đơn căn cứ trên Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết; Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết, do bị đơn - ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T, có nơi cư trú tại: Tổ 12, phường D (tổ 23 phường C cũ), thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo quy định căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đã tiến hành hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu ông Bùi Minh T và vợ là bà Nguyễn Thị Huyền T thanh toán số nợ vay còn thiếu sau khi đã phát mại tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay, đề nghị ông T và bà T thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, cụ thể tính đến ngày 24/5/2023, ông T và bà T còn nợ phía Ngân hàng P tổng: 194.735.622 đồng, cụ thể: Nợ gốc là 87.559.713 đồng, nợ lãi trong hạn là 63.291.419 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.884.490 đồng. Đồng thời kể từ ngày sau khi Tòa xét xử vụ án, Ngân hàng đề nghị ông T, bà T phải tiếp tục chịu lãi của số tiền nợ gốc

chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ông T, bà T có quan điểm thừa nhận về khoản vay và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuy nhiên hiện ông T và bà T không có khả năng thanh toán, quá trình Tòa án triệu tập ông T và bà T đến Tòa, ông T và bà T không hợp tác đến Tòa làm việc.

Căn cứ khởi kiện theo Hợp đồng tín dụng số 337/2017/HĐTD/PVBHO-18LH ngày 30/11/2017 cùng cùng tài liệu phía nguyên đơn giao nộp cùng ý kiến, quan điểm của phía bị đơn, xét thấy trong Hợp đồng hai bên đã tự nguyện giao kết, các nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định do vậy phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Việc các bên thỏa thuận về lãi suất từ ngày 01/12/2017 đến hết ngày 01/12/2018 là 8,8%/năm; Từ ngày 02/12/2018 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất tiền gửi của Ngân hàng Đại Chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VNĐ, kỳ hạn 13 tháng theo Biểu lãi suất huy động của Ngân hàng Công bố từng thời kỳ + Biên độ tối thiểu 4,3%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dư nợ gốc đến hạn nhưng không được bên vay trả nợ đúng hạn, xét thỏa thuận này là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng P khởi kiện buộc ông T và bà T trả số nợ gốc, lãi và các khoản phí phát sinh căn cứ trên Hợp đồng hai bên ký kết là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (P) đối với ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T. Buộc ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Huyền T phải thanh toán cho Ngân hàng P tổng số tiền 194.735.622đ (Một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là 87.559.713 đồng, nợ lãi trong hạn là 63.291.419 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.884.490 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T và bà T phải tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ.

Trường hợp ông T và bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê

biên, phát mại các tài sản khác và khấu trừ nguồn thu nhập hợp pháp của ông T, bà T để xử lý, thu hồi nợ.

Về án phí: Ông Bùi Minh T và bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 9.736.781đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Đ (P) được nhận lại số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004692 ngày 12/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Anh